

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên công ty đại chúng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**  
**NĂM BÁO CÁO : 2009**

**THÁNG 3 NĂM 2010**

CTY TNHH 1 TV XDCN ĐỒNG NAI  
CTY CP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC- NTWA

Nhon Trạch, ngày 25 tháng 03 năm 2010

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**  
Năm báo cáo: 2009

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch được cổ phần hóa từ Xí nghiệp nước Nhơn Trạch trực thuộc Công ty TNHH 1TV xây dựng cấp nước Đồng Nai theo Quyết định số: 3059/QĐ – UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai “V/v phê duyệt phương án và chuyển xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành công ty cổ phần”, được đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động ngày 24/01/2008 và được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 ngày 14/2/2008.

Trụ sở và nhà máy : Đường 319B - KCN Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

#### 2. Quá trình phát triển:

##### 2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty gồm:

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch. Xây dựng đường ống cấp thoát nước , trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước. Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

##### 2.2. Tình hình hoạt động:

Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/03/2008. và hoàn tất thủ tục bàn giao vốn ngày 11/12/2008. Tổng vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng; trong đó : vốn Nhà Nước (Cty TNHH 1TV xây dựng cấp nước Đồng Nai sở hữu ) 15.731.210.000 đồng chiếm 52,44 % ; vốn cổ đông khác 14.268.790.000 đồng chiếm 47,56%.

#### 3. Định hướng phát triển :

##### 3.1. Mục tiêu:

Kinh doanh có lãi, đảm bảo lợi ích của cổ đông và Nhà nước; Cung cấp nguồn nước sạch cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp và khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành, Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

**3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước đáp ứng kịp thời nhu cầu dùng nước cho sản xuất và sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành và Nhơn Trạch, đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và lợi ích của cổ đông.

- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng mạng lưới cấp nước, tiếp nhận có hiệu quả nguồn nước dự án Nhà máy nước Nhơn Trạch (CS: 100.000 m<sup>3</sup>/ngđ); Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với cổ đông, Nhà nước và xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động ; nâng cao năng lực điều hành, quản trị công ty và thực hiện có hiệu quả nghị quyết đại hội cổ đông công ty hàng năm đề ra.

- Đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu của Công ty trong tương lai.

**II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY. (theo nội dung văn bản số: 15/2010/HĐQT-NTWA ngày 15/3/2010)**

**1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2009).**

- Lợi nhuận: Tăng cao so với kế hoạch và cao hơn so với năm trước.
- Tình hình tài chính: Tốt

**2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)**

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sản xuất	m <sup>3</sup>	11.924.000	13.457.417	112,8
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	10.500.000	11.980.882	114,1
3	Doanh thu	1.000đ	45.423.750	56.720.400	124,8
4	Tổng chi phí	"	38.156.070	45.740.493	119,8
5	Lợi nhuận trước thuế	"	7.267.680	10.979.907	151
6	Lợi nhuận sau thuế	"	5.995.836	9.058.424	151
7	Tỷ suất LNST/VĐL	%	19,99	30,19	151
8	Các khoản nộp Ngân sách	1.000	1.816.920	1.921.484	105
9	Thu nhập Bq người lao động	"	2.900	3.390	116,9

**3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)**

Không có những thay đổi lớn; đã đạt được chủ trương tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước sạch đòi hỏi ngày càng nhiều của khu vực, đảm bảo ổn định góp phần cho xã hội phát triển.

**4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)**

- Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ lên 50 tỷ, với mục đích tăng vốn lưu động, thay đổi cơ cấu vốn, mở rộng mạng, tăng khách hàng.

- Đầu tư tăng công suất nguồn là chủ yếu. Ngoài ra nếu được đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì đầu tư xây dựng nhà văn phòng.

**III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Báo cáo tình hình tài chính:**

- Khả năng sinh lời:

Hệ số LNST/Doanh thu thuần (Rp) = 16,02%

Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu(ROE) = 20,59%

Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) = 12,03%

- Khả năng thanh toán:

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời = 0,62 lần

(Tổng tài sản LĐ/Tổng nợ ngắn hạn)

Hệ số thanh toán nhanh (Rq) = 0,24 lần

(Tổng số vốn bằng tiền)/Tổng nợ ngắn hạn)

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Các hệ số cơ cấu vốn (%)

Hệ số cơ cấu TSCĐ = 73,68

(Giá trị TSCĐ/Tổng tài sản)

Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 42,04

Hệ số cơ cấu nguồn vốn = 57,95

(Tổng vốn chủ SH/Tổng nguồn vốn)

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)

Vòng quay vốn chủ sở hữu = 1,28

(Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu)

Doanh thu thuần/Tổng tài sản = 0,74

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

+ Tổng nguồn vốn : 75.900.093.488 đồng

+ Tổng nợ phải trả : 31.914.111.514 đồng

+ Vốn chủ sở hữu : 43.985.981.974 đồng

- Những thay đổi về vốn cổ đông : Không

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

+ Cổ phiếu thường: 3.000.000 cổ phiếu

- + Cổ phiếu ưu đãi : Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại
  - + Cổ phiếu thường: 3.000.000 cổ phiếu
  - + Cổ phiếu ưu đãi: Không
- Số liệu cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
- Cổ tức: 11,5% bằng tiền mặt

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Sản lượng nước SX năm 2009 là 13.457.417 m<sup>3</sup>, Sản lượng nước ghi thu 11.980.882 m<sup>3</sup>, doanh thu đạt 56,2 tỷ đồng, lợi nhuận đạt sau thuế đạt 9,058 tỷ đồng. Trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng trưởng ổn định, doanh thu lợi nhuận đều vượt kế hoạch được giao. Sản lượng nước sản xuất và cung cấp ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu dùng nước cho sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Long Thành và Nhơn Trạch; chất lượng nước đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ y tế.

Công tác tài chính được thực hiện theo đúng luật kế toán, chuẩn mực kế toán, các qui định của nhà nước và công ty, doanh thu lợi nhuận đạt yêu cầu Đại hội cổ đông đề ra.

Trong năm 2009. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

### **\*Thuận lợi :**

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Ban giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp Nước Đồng Nai, sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ nhiệt tình của các Sở, Ban, Ngành và Chính quyền địa phương đã giúp công ty tháo gỡ những khó khăn duy trì hoạt động sản xuất ổn định và tăng trưởng;

- Tập thể CB.CNV Công ty đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và có những giải pháp kịp thời, hợp lý, sáng tạo trong sản xuất và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Sự hỗ trợ kịp thời của Chính phủ trong việc hỗ trợ vốn cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giãn nộp thuế .. giúp Doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn, hoạt động ổn định và hiệu quả.

### **\*Khó khăn:**

- Ảnh hưởng bởi sự suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các nhà đầu tư và công ty.

- Việc đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mở rộng khách hàng còn hạn chế chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển về cấp nước trên địa bàn do hệ thống giao thông chưa phát triển, một số dự án cấp nước phải đầu tư, thi công theo hiện trạng. Khi mở rộng đường phải di dời, giải tỏa làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của công ty .

## **3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Từ khi chuyển đổi từ xí nghiệp sang Công ty cổ phần tạo đã tạo cơ hội thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động hơn trong hoạt động Sản xuất - Kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tăng trưởng ổn định về mọi mặt, doanh thu, lợi nhuận tăng đạt yêu cầu đại hội cổ đông đề ra.

Quy chế dân chủ ở cơ sở được phát huy, tư tưởng cán bộ công nhân viên ổn định, tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cấp lãnh đạo; Nội bộ đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn trên địa bàn được giữ vững, các tổ chức đoàn thể hoạt động sôi nổi hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động được cải thiện, người lao động an tâm công tác, thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước và công tác xã hội.

#### IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán và được đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty Kiểm toán DTL thực hiện.

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>19.973.689.917</b>	<b>13.998.292.947</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>7.696.458.316</b>	<b>2.109.949.029</b>
1. Tiền	111	5.196.458.316	2.109.949.029
2. Các khoản tương đương tiền	112	2.500.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	<b>6.518.194.828</b>	<b>9.219.321.750</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6.317.967.427	9.192.112.104
2. Trả trước cho người bán	132	194.961.899	22.072.230
3. Phải thu nội bộ	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.265.502	5.137.416
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<b>2.266.711.552</b>	<b>827.212.061</b>
1. Hàng tồn kho	141	2.266.711.552	827.212.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	<b>3.492.325.221</b>	<b>1.841.810.107</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	3.412.540.221	1.814.810.107

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH – HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	79.785.000	27.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>55.926.403.571</b>	<b>37.391.741.247</b>
<b><i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i></b>	<b>210</b>	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
<b><i>II. Tài sản cố định</i></b>	<b>220</b>	<b>55.926.403.571</b>	<b>37.391.741.247</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	55.213.701.277	37.236.301.304
+ Nguyên giá	222	85.511.215.289	60.121.399.275
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223	(30.297.514.012)	(22.885.097.971)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	-	-
+ Nguyên giá	225	-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. TSCĐ vô hình	227	9.750.000	16.250.000
+ Nguyên giá	228	19.500.000	19.500.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229	(9.750.000)	(3.250.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	702.952.294	139.189.943
<b><i>III. Bất động sản đầu tư</i></b>	<b>240</b>	-	-
+ Nguyên giá	241	-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
<b><i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i></b>	<b>250</b>	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4. Dự phòng giảm giá ch.khoán đầu tư dài hạn	259	-	-
<b><i>V. Tài sản dài hạn khác</i></b>	<b>260</b>	-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>75.900.093.488</b>	<b>51.390.034.194</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>31.914.111.514</b>	<b>12.285.287.029</b>
<b><i>I. Nợ ngắn hạn</i></b>	<b>310</b>	<b>31.862.888.334</b>	<b>12.267.619.369</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH – HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

2. Phải trả người bán	312	26.897.303.885	8.385.273.372
3. Người mua trả tiền trước	313	500.710.565	234.161.147
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.924.483.787	1.706.488.920
5. Phải trả người lao động	315	2.281.826.804	1.781.276.827
6. Chi phí phải trả	316	-	-
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	258.563.293	160.419.103
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>51.223.180</b>	<b>17.667.660</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336	51.223.180	17.667.660
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>43.985.981.974</b>	<b>39.104.747.165</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>43.532.391.788</b>	<b>39.104.747.165</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.043.138.411	5.043.138.411
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.455.878.153	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	288.581.067	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	6.744.794.157	4.061.608.754
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>453.590.186</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	453.590.186	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>75.900.093.488</b>	<b>51.390.034.194</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH – HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	56.512.189.453	43.344.324.421
2. Các khoản giảm trừ	02		10.554.302
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	56.512.189.453	43.333.770.119
4. Giá vốn hàng bán	11	43.197.314.382	33.995.685.818
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	13.314.875.071	9.338.084.301
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	198.029.651	625.380.005
7. Chi phí tài chính	22		108.333.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		108.333.333
8. Chi phí bán hàng	24	97.731.542	7.454.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.445.447.202	2.106.008.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30	10.969.725.978	7.741.668.266
11. Thu nhập khác	31	10.181.364	3.395.280
12. Chi phí khác	32	-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	10.181.364	3.395.280
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	10.979.907.342	7.745.063.546
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.921.483.785	1.973.442.192
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	9.058.423.557	5.771.621.354
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.019	1.924

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.979.907.342	7.745.063.546
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.418.916.041	5.624.216.723
Các khoản dự phòng	03		17.667.660
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(198.029.651)	(619.539.603)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH – HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

Chi phí lãi vay	06		108.333.333
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>18.200.793.732</b>	<b>12.875.741.659</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.050.611.808	(5.580.530.804)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.439.499.491)	109.738.954
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(2.335.834.956)	20.033.708.540
Tăng giảm chi phí trả trước	12	-	-
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.703.290.009)	(270.294.302)
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	16	(124.359.548)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.648.421.536</b>	<b>27.168.364.047</b>

**II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.221.922.702)	(23.859.608.688)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.891.666.667
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	198.029.651	619.539.603
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.023.893.051)</b>	<b>(28.348.402.418)</b>

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	5.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.038.019.200)	(1.710.012.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.038.019.200)</b>	<b>3.289.987.400</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.586.509.287</b>	<b>2.109.949.029</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.109.949.029</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>7.696.458.316</b>	<b>2.109.949.029</b>

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán DTL

### - Cơ sở ý kiến :

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### - Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	CMND/ GPKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH 1 TV Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai	48 CM phường Quyết Thắng Biên Hòa Đồng Nai	4704000005	1.573.121	52,44%
2	Công ty CP nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	179 Đinh Tiên Hoàng, P DaKao, Q1, TP HCM	4103002049	29.400	0,98%
3	Công ty TNHH- PTP	453KA/60A Lê Văn Sỹ, P12, Q3, TP HCM	4102002092	61.660	2,06%

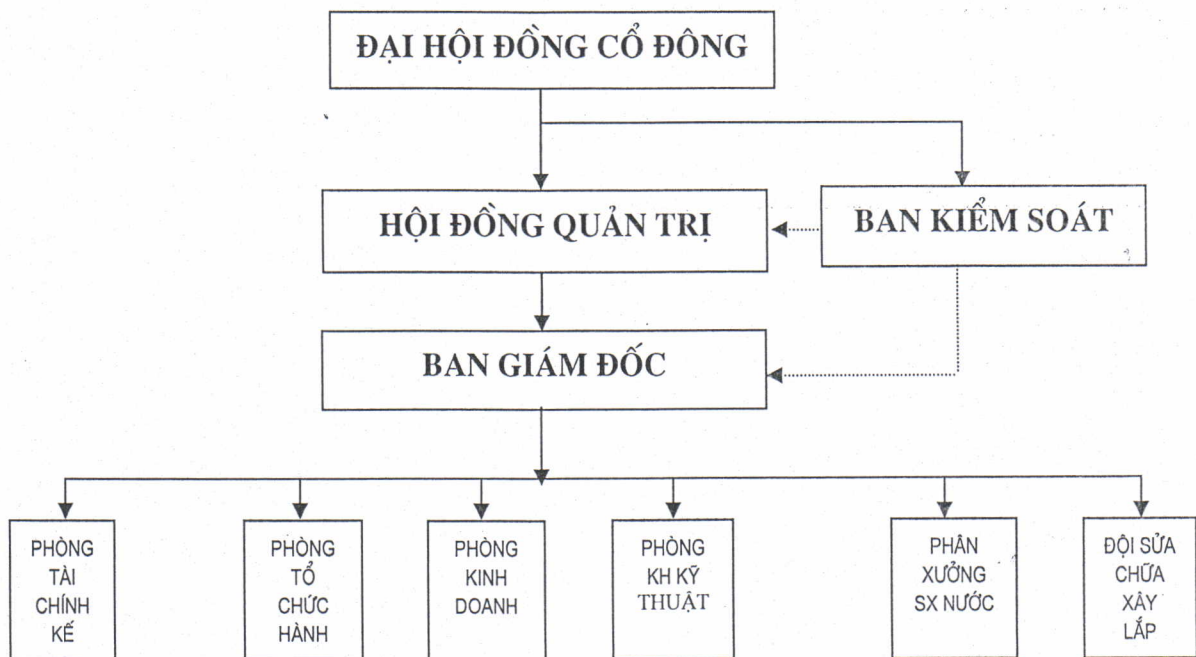
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH – HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

4	Công ty TNHH 1 thành viên Tín Nghĩa	96 QL1, P Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai		114.740	3,82%
5	CTY TNHH NGUYỄN HOÀNG	D1/4 KP1 P. LONG BÌNH TÂN BIÊN HÒA ĐỒNG NAI	4702000007	44.100	1,47%
6	Công ty cổ phần Bạch Đằng 4	122 Chu Văn An, P 26, Q Bình Thạnh, TP HCM	4103003409	44.100	1,47%
7	Công đoàn Cty CP cấp nước Nhơn Trạch	319B-KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai		60.000	2,00%

**VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:**

**- Cơ cấu tổ chức của công ty.**

Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch



**Ghi chú:** → : Điều hành trực tuyến  
 .....→ : Kiểm soát hoạt động

**- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

**1. HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN XUÂN THỈNH**

- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1959
- Nơi sinh : Quảng Trị
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 17/7 Tỉnh lộ 24, K2, P Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ : Kỹ sư điện

**2. HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN ANH TUẤN**

- Chức vụ : P Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1967
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : P2 D1 - Đường CMT8 - P.Thanh Bình Biên Hòa – Đồng Nai.
- Trình độ : Cử nhân Kinh tế .

**3. HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN CAO HÀ**

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1970
- Nơi sinh : Quảng Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 18L Cư Xá Phúc Hải, P Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ : Cử nhân Kinh tế

**4. Họ và tên: NGUYỄN CHÍ QUỐC**

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1969
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : D1/4 KP1, P Long Bình Tân, Biên Hòa ĐN
- Trình độ : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

**5. Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH**

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1954
- Nơi sinh : Quảng Trị
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : D1 Cư xá Tỉnh ủy, P Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ : Thạc sỹ kinh tế

**6. Họ và tên: VÕ QUANG HỒNG**

- Chức vụ : Phó Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1958
- Nơi sinh : Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 104, đường Nguyễn Trãi, P Xuân An, TX Long Khánh, Đồng Nai
- Trình độ : Kỹ sư đô thị

- Quyền lợi của Ban giám đốc:

Lương Giám đốc : 264.371.000 đ/ năm

Lương P Giám đốc : 216.109.000đ/ năm

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 65 người.

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động như: đóng BHXH, BHYT, BHTN ... và tổ chức khám sức khỏe cho CBNV định kỳ hàng năm, tham quan nghỉ dưỡng ...

**VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên (Trong đó 03 thành viên không chuyên trách và 02 thành viên chuyên trách); Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. (Trong đó 02 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên chuyên trách).

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý và bất thường, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của công ty theo điều lệ.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Giám sát công việc điều hành theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông Hội đồng Quản trị, các báo cáo, kiểm soát các hoạt động của Công ty trong kỳ và báo cáo tài chính trong năm.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp quan trọng của Công ty, đóng góp ý kiến nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

+ Thù lao của Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/ tháng

P Chủ tịch HĐQT: 2.500.000 đồng/ tháng

Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/ tháng

+ Thù lao Ban Kiểm soát:

Trưởng Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/ tháng

Ủy viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/ tháng

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 01

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến 31/12/2009:

**Ông Nguyễn Xuân Thịnh:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phần nắm giữ: 643.121 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Cty TNHH 1 TV XDCN Đồng Nai)

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Tỷ lệ : 21,44 %

**Ông Nguyễn Anh Tuấn:** Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 330.000 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Cty TNHH 1 TV XDCN Đồng Nai)

Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần

Tỷ lệ : 11 %

**Ông Nguyễn Cao Hà :** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 300.000 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Cty TNHH 1 TV XDCN Đồng Nai)

Sở hữu cá nhân: 1.800 cổ phần

Tỷ lệ : 10 %

**Ông Nguyễn Chí Quốc:** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 44.100 cổ phần

(Đại diện phần vốn Cty TNHH Nguyễn Hoàng)

Tỷ lệ : 1,47 %

**Ông Nguyễn Thanh Bình :** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 114.740 cổ phần

(Đại diện phần vốn Cty TNHH 1 TV Tín Nghĩa )

Tỷ lệ : 3,82 %.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

### 2.1. Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước đến 31/12/2009

+ Phần vốn nhà nước: 1.573.121 cổ phần

+ Cổ đông chiến lược : 294.000 cổ phần

+ Tổ chức công đoàn Cty: 60.000 cổ phần

+ Các cá nhân bên ngoài 1.072.879 cổ phần

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH – HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	CMND/ GPKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
	<b>Tổng vốn điều lệ</b>			<b>3.000.000</b>	
<b>A</b>	<b>Cổ đông Nhà nước:</b>			<b>1.573.121</b>	<b>52,44%</b>
	Công ty TNHH 1 TV Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai	48 CM phường Quyết Thắng Biên Hòa Đồng Nai	4704000005	1.573.121	52,44%
<b>B</b>	<b>Cổ đông chiến lược</b>			<b>294.000</b>	<b>9,80%</b>
1	Công ty CP nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	179 Đinh Tiên Hoàng, P DaKao, Q1, TP HCM	4103002049	29.400	0,98%
2	Công ty TNHH- PTP	453KA/60A Lê Văn Sỹ, P12, Q3, TP HCM	4102002092	61.660	2,06%
3	Công ty TNHH 1 thành viên Tín Nghĩa	96 QL1, P Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai		114.740	3,82%
4	CTY TNHH NGUYỄN HOÀNG	D1/4 KP1 P. Long Bình Tân Biên hòa, Đồng Nai	4702000007	44.100	1,47%
5	Công ty cổ phần Bạch Đằng 4	122 Chu Văn An, P 26, Q Bình Thạnh, TP HCM	4103003409	44.100	1,47%
<b>C</b>	<b>Công đoàn Cty CP cấp nước Nhơn Trạch</b>	319B-KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai		<b>60.000</b>	<b>2,00%</b>
<b>D</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>			<b>1.072.879</b>	<b>35,76%</b>

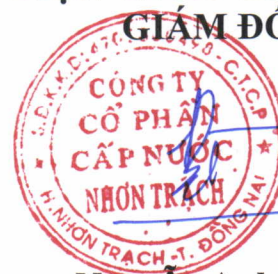
**2.2. Cổ đông nước ngoài**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài: Không

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- BQL phát hành chứng khoán;
- Cty TNHH 1TV XDCN (thay báo cáo);
- HĐQT(thay báo cáo)
- Lưu TCKT, VT.



**Nguyễn Anh Tuấn**